



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**ĐỀ ÁN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**NGÀNH
CHÍNH SÁCH CÔNG**

MÃ SỐ: 8340402

Cần Thơ, năm 2019

Số: 3085 /DHCT

Cần Thơ, ngày 30 tháng 12 năm 2019

TỜ TRÌNH

ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành: CHÍNH SÁCH CÔNG

Mã số: 8340402

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với hơn 18 triệu dân là vùng trọng điểm về nông nghiệp của cả nước như lúa gạo, trái cây, thủy sản đã và đang bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu. Tuy có nhiều thế mạnh về sản xuất nông-lâm-thủy sản, vùng ĐBSCL đang phải đối mặt với nhiều thách thức như trình độ dân trí và thu nhập thấp so với trung bình cả nước, đặc biệt là tác động của biến đổi khí hậu, lũ lụt, xâm nhập mặn, sụt lún đất và sạt lở có nguy cơ biến vùng này lạc hậu, chậm phát triển. Trong bối cảnh này, để hội nhập tốt với tiến trình toàn cầu hóa, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhu cầu đào tạo về chính sách cho các cán bộ, viên chức các cấp chính quyền cũng như cho các doanh nghiệp càng trở nên bức thiết hơn. Điều này cũng đã được đề cập theo Quyết định số 939/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/07/2012 phê duyệt về việc “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL đến năm 2020”.

Nhu cầu đào tạo ngành Chính sách Công là cần thiết vì xây dựng, thực thi và đánh giá các chính sách là do chính các cán bộ quản lý và chuyên viên trực tiếp hay gián tiếp tham gia, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế phức tạp như hiện nay. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức tham gia xây dựng, thực thi và đánh giá chính sách hiện nay còn rất thiếu và yếu do chủ yếu được đào tạo ngắn hạn hoặc tự học tự làm chưa chuyên nghiệp. Trong vùng ít cơ sở đào tạo tham gia đào tạo *Thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công* (chỉ có 1-2 cơ sở liên kết với các Viện/Trường ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh) để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực Chính sách Công để phục vụ cho sự phát triển của Vùng. Vì vậy, vấn đề đào tạo đội ngũ cán bộ Chính sách Công có trình độ cao càng trở nên rất cấp thiết.

Trường ĐHCT hiện có 15 khoa, 3 viện nghiên cứu, 17 trung tâm, 6 đơn vị trực thuộc và 10 phòng ban chức năng đảm nhận đào tạo 98 chuyên ngành bậc đại học, 45 ngành chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 16 ngành-chuyên ngành nghiên cứu sinh. Về cơ sở vật chất, Trường có hơn 30.000 đầu sách và hơn 440 máy tính, phòng đọc 500 chỗ, hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm trung tâm và nhiều trang thiết bị hiện đại cùng với lực lượng giảng viên đáp ứng nhu cầu dạy và học cho học viên.

Hiện tại, Trường Đại học Cần Thơ chưa đào tạo cử nhân chuyên ngành Chính sách Công nhưng đã và đang đào tạo một số ngành liên quan như Xã hội học (7310301), Kinh tế (7310101), Quản trị kinh doanh (7340101), Kinh doanh nông nghiệp (7620114), Kinh tế nông nghiệp (7620115), Phát triển nông thôn (7620116); Quản lý tài nguyên môi trường (7850101), Kinh tế tài nguyên thiên nhiên (7850102). Mỗi năm hàng trăm sinh viên tốt nghiệp các lĩnh vực này cũng như nguồn cán bộ, nhân viên, người lao động ở các cấp chính quyền, doanh nghiệp và xã hội là nguồn đầu vào cho ngành Chính sách Công. Do đó, giải quyết nhu cầu được đào tạo nâng cao trình độ về Chính sách Công là khả thi.

Để thực hiện được nhiệm vụ đào tạo chương trình thạc sĩ Chính sách Công, hiện tại trường Đại học Cần Thơ có đội ngũ giảng viên cơ hữu gồm 4 phó giáo sư và 1 tiến sĩ; và giảng viên có chuyên ngành gần gồm có 6 phó giáo sư và 13 tiến sĩ được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, đã có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, và đủ điều kiện giảng dạy và hướng dẫn khoa học.

Căn cứ nhu cầu thực tế của khu vực và cả nước, điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ nhân lực, Trường Đại học Cần Thơ đã xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chính sách Công (mã ngành **8340402**) theo tinh thần Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT và Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017.

Kính trình Bộ xem xét và cho phép Trường Đại học Cần Thơ được đào tạo từ năm 2020.

Trân trọng kính chào./

Nơi nhận:

- Bộ GD-ĐT;
- Khoa SDH; Khoa KT
- Lưu VT.



MỤC LỤC

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	1
1. Giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo	1
2. Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Chính sách Công	2
3. Giới thiệu về Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	2
4. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Chính sách Công ..	4
PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO	6
1. Khái quát chung về quá trình đào tạo	6
2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu.....	7
3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	8
4. Hoạt động nghiên cứu khoa học	9
5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	9
6. Kiểm định chất lượng	12
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	13
1. Chương trình đào tạo	13
1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo	13
1.2. Những căn cứ xây dựng chương trình	13
1.3. Tóm tắt chương trình đào tạo	15
2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo	19
2.1. Kế hoạch tuyển sinh	19
2.2. Kế hoạch đào tạo	22
2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng.....	24
PHẦN 4. CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN	26

PHỤ LỤC 1: Quyết nghị của Hội đồng Trường về việc mở ngành Chính sách Công	27
PHỤ LỤC 2: Biên bản đồng ý mở ngành của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường Đại học Cần Thơ	28
PHỤ LỤC 3: Các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, kỹ thuật viên, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo; lý lịch khoa học; bằng tốt nghiệp; xuất bản khoa học	35
PHỤ LỤC 4: Minh chứng biên soạn, thẩm định và ban hành CTĐT	262
Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành của cơ sở đào tạo; Quyết định thành lập Hội đồng biên soạn; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế; Biên bản thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế (đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện); có kết luận: đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Chính sách Công; Văn bản giải trình việc tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế; Biên bản thông qua đề án của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường Đại học Cần Thơ; Quyết định ban hành Chương trình đào tạo Chính sách Công.	
PHỤ LỤC 5: Minh chứng đáp ứng yêu cầu Thông tư 09	304
Báo cáo khảo sát nhu cầu; Danh sách ngành mở có trong Kế hoạch phát triển của Trường; Minh chứng hợp tác với các trường đại học trên thế giới trong hoạt động đào tạo;	
PHỤ LỤC 6: Minh chứng đảm bảo chất lượng	360
Quyết định cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục cho Trường Đại học Cần Thơ; Minh chứng Ngành được kiểm định theo chuẩn AUN-QA; Quyết định thành lập Khoa Sau Đại học - Đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo.	
PHỤ LỤC 7: Đề cương chi tiết các Học phần của CTĐT Thạc sĩ Chính sách Công	393

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Số lượng sinh viên chính quy, học viên Trường Đại học Cần Thơ năm 2018	7
Bảng 2: Các hội nghị hội thảo khoa học đã tổ chức	10
Bảng 3: Chương trình đào tạo chi tiết	18
Bảng 4: Dự kiến qui mô tuyển sinh thạc sĩ ngành Chính sách Công	19
Bảng 5: Các ngành gần của người dự tuyển thạc sĩ Chính sách Công	19
Bảng 6: Kế hoạch đào tạo của Chương trình đào tạo Chính sách Công	22

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BDKH	Biến đổi khí hậu
CSC	Chính sách Công
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐHCT	Trường Đại học Cần Thơ
HK	Học kỳ
HP	Học phần
HV	Học viên
LT	Lý thuyết
NCPT	Nghiên cứu phát triển
TC	Tín chỉ
TH	Thực hành

chuyên môn từ các chuyên ngành hẹp nói trên để giải quyết vấn đề một cách có hệ thống và đồng bộ trong thực tế phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực công.

2. Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Chính sách Công

Báo cáo số 25/2018 ngày 9 tháng 7 năm 2018 về kết quả khảo sát về nhu cầu Chương trình đào tạo Thạc sĩ Chính sách công của Trung tâm Quản lý Chất lượng - Trường Đại học Cần Thơ cho thấy nhu cầu xã hội đối với lực lượng lao động của ngành này là khá cao (mức độ cần thiết đạt 86,67%) và việc đưa Chương trình đào tạo Thạc sĩ Chính sách Công vào hoạt động đào tạo của Viện NCPT Đồng bằng sông Cửu Long là có cơ sở và đáp ứng được nhu cầu xã hội (Phụ lục 7).

Chương trình đào tạo Chính sách Công đã được Trường Đại học Cần Thơ thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo đưa vào đề án mở ngành mới (Số 3590/ĐHCT-KSDH ngày 22/12/2016), Hội đồng Khoa học và Đào tạo đồng ý mở ngành đào tạo (Biên bản họp số 124/BB-ĐHCT-HĐKHĐT) và được Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ ra quyết nghị về việc mở ngành đào tạo này (Quyết nghị số 06/QN-HĐT ngày 19/5/2018).

3. Giới thiệu về Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL

Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL được Trường phân công trực tiếp tổ chức, thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Chính sách Công. Viện Nghiên cứu phát triển ĐBSCL được thành lập ngày 24 tháng 3 năm 2005 bằng Quyết định số 269/QĐ-ĐHCT.TCCB.

Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL với chức năng nhiệm vụ là đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao và tư vấn khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL, đáp ứng yêu cầu đào tạo học viên, sinh viên, cán bộ kỹ thuật và các nhu cầu sản xuất của nông dân khu vực ĐBSCL. Viện có 2 Bộ môn chuyên ngành, trong đó có Bộ môn Kinh tế - Xã hội và Chính sách có chức năng đào tạo và nghiên cứu các lĩnh vực liên quan đến Kinh tế ứng dụng, Quản trị xã hội và Chính sách Công. Hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Viện theo hướng liên ngành – phối hợp với các đơn vị chuyên ngành trong và ngoài Trường Đại học Cần Thơ – tối ưu hoá hiệu quả dự án, chính sách phát triển kinh tế xã hội ở các cấp độ quản lý khác nhau nhằm đáp ứng mục tiêu công nghiệp hoá và hiện đại hoá vùng ĐBSCL và nhiều địa phương khác trong cả nước. Thành tựu của Viện đạt được đã tạo được uy tín với các tổ chức trong nước và quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn phát triển. Kinh nghiệm quản lý, đào tạo và nghiên cứu của Viện không những được cải thiện và cập nhật thông qua tham gia các mạng lưới Hệ thống Canh tác (1992-1996), Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Việt Nam (1996-2000), Phát triển nông thôn bền vững (2003-2008), Mạng lưới nghiên cứu Mekong bền vững (Sumernet) (2006-2018), Sáng kiến Hạ lưu sông Mekong (2014-2018).

Về đào tạo, Viện đảm nhận quản lý đào tạo bậc đại học, cao học Phát triển Nông thôn từ năm 2006, Cao học Hệ thống Nông nghiệp từ năm 2008 và nghiên cứu sinh Phát triển Nông thôn từ năm 2009. Ngoài ra, Viện cũng tham gia đào tạo đại học và sau đại học cho các chuyên ngành Nông học, Trồng trọt, Môi trường, Công nghệ Sinh học, Xã hội học, Phát triển Nông thôn, Hệ thống nông nghiệp và Kinh tế cho Trường Đại học Cần Thơ và các Trường khác ở ĐBSCL.

Về nghiên cứu khoa học, Viện tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Huyện và cấp Trường cùng các chương trình/dự án hợp tác quốc tế khoảng 25 đề tài/dự án mỗi năm. Nghiên cứu khoa học tập trung vào 5 lĩnh vực chính sau đây:

(1) Quản lý đa dạng sinh học nông nghiệp: bảo tồn, sử dụng và phát triển nguồn gen cây trồng; lai tạo, chọn và cải thiện chất lượng giống lúa; phát triển mạng lưới cộng đồng bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học (bao gồm cây lương thực và thực phẩm).

(2) Sử dụng hợp lý tài nguyên nông nghiệp thông qua hệ thống canh tác tổng hợp và kinh tế - xã hội nông thôn: Quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển các hệ thống nông nghiệp thích nghi ở các vùng sinh thái khác nhau của ĐBSCL: sử dụng hợp lý tài nguyên đất và nước trong nông nghiệp, kỹ thuật hệ thống nông nghiệp theo hướng thị trường và bền vững về sinh thái và xã hội, nông nghiệp thích nghi với thay đổi khí hậu.

(3) Kinh tế ngành hàng và kinh tế tài nguyên: ngành hàng và chuỗi giá trị ngành hàng nông sản và tiểu thủ công nghiệp chủ lực có lợi thế theo vùng, và phát triển doanh nghiệp nông thôn; phân tích kinh tế nông nghiệp và tài nguyên.

(4) Chính sách và định chế nông nghiệp và nông thôn: Thể chế, tổ chức và chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn, phát triển cộng đồng, hợp tác xã, xây dựng nông thôn mới và liên kết phát triển (liên kết tiểu vùng, liên kết vùng,...).

(5) Tổn thương và thích ứng với sự thay đổi môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội: Đánh giá tổn thương và khả năng thích ứng của cộng đồng, các nhóm kinh tế xã hội, các hệ thống canh tác hay các đối tượng nghiên cứu do tác động mạnh và thay đổi nhanh chóng từ tự nhiên và kinh tế xã hội.

Viện có truyền thống quan hệ hợp tác rất tốt với các tỉnh ĐBSCL và cả nước cho các lĩnh vực nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật, khuyến nông, phát triển nông nghiệp nông thôn và liên kết vùng. Bên cạnh đó, Viện có mối quan hệ hợp tác rộng rãi với các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ và nhiều Trường Đại học trên thế giới thông qua các chương trình dự án nghiên cứu phát triển. Đây là yếu tố quan trọng giúp nâng cao năng lực cán bộ, đề tài khoa học có tính thực tiễn cao,

góp phần đáng kể vào việc nâng cao đời sống nông dân và sự phát triển của vùng. Viện được nhiều nơi trong nước và thế giới biết đến như là một Viện đa ngành, năng động và hoạt động theo hướng liên kết hợp tác với nhiều chuyên ngành khác nhau.

Do đó, mặc dù chưa tổ chức đào tạo chuyên ngành Chính sách Công, phạm vi và tính liên kết trong hoạt động liên quan đến đào tạo và nghiên cứu trong thời gian qua rất tập trung trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành này.

4. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Chính sách Công

Hiện tại, Trường Đại học Cần Thơ có 14 Giảng viên cao cấp (Phó giáo sư), 10 Tiến sĩ thuộc các chuyên ngành liên quan đến Chính sách Công như Chính sách, Kinh tế, Luật Thương mại, Nông nghiệp, Phát triển nông thôn,... được đào tạo từ nhiều quốc gia. Đối với ngành Chính sách Công, cơ sở đào tạo có 04 phó giáo sư và 01 tiến sĩ có cùng chuyên ngành với chuyên ngành đào tạo, cùng với 06 Phó giáo sư, 13 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu, có cùng chuyên ngành gần, cũng như thỉnh giảng 01 tiến sĩ của Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh phù hợp với ngành đào tạo. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên đã có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, tham gia hướng dẫn nhiều thạc sĩ kinh tế và cả tham gia hướng dẫn luận án tiến sĩ ở các trường đại học, học viện khác trong nước, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, các đề tài nhánh cấp Nhà nước, đặc biệt được sự tín nhiệm rất cao của chính quyền địa phương trong việc tham gia các đề tài nghiên cứu cấp tỉnh, các nghiên cứu chuyên đề đáp ứng nhu cầu thực tiễn tại địa bàn nghiên cứu.

Hiện tại ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cử nhân là Kinh tế Nông nghiệp. Bên cạnh đó, thí sinh đăng ký dự thi đầu vào có thể được xét tuyển từ các ngành, chuyên ngành gần hoặc mở rộng ra tất cả các ngành, chuyên ngành khác ở bậc đại học với điều kiện có học bổ sung các học phần đầu vào.

Trường có Trung tâm học liệu với hệ thống sách tư liệu phong phú và hệ thống học liệu mở liên kết với nhiều nguồn tư liệu trong và ngoài nước; hệ thống phòng học đạt chuẩn với trang thiết bị hiện đại và đầy đủ, đáp ứng nhu cầu phục vụ giảng dạy. Ngoài ra, Viện đảm nhận phụ trách đào tạo có đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành với các phương tiện hiện đại và có Thư viện chuyên ngành được cập nhật hàng năm với nhiều nguồn tài liệu trong và ngoài nước đảm bảo cho nhu cầu học tập và nghiên cứu.

Cùng với cả nước, kinh tế vùng ĐBSCL đã đạt được nhiều thành tựu, nhiều ngành kinh tế của Vùng đã trở thành ngành mũi nhọn của cả nước như nuôi trồng và chế biến thủy hải sản, sản xuất lúa gạo, cây ăn trái và du lịch sinh thái. Với 13 tỉnh thành và dân số hơn 18 triệu người, ĐBSCL luôn là vùng có nền kinh tế năng động và có tiềm năng phát triển kinh tế rất lớn. Do đó, nhu cầu cần có đội ngũ quản lý kinh tế,

thực thi và thẩm định lĩnh vực công là một nhu cầu thực tế của các cấp chính quyền địa phương, cũng như đối với các doanh nghiệp và các cấp quản lý. Hiện tại, đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ cao còn hạn chế so với đòi hỏi thực tế của địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực chính sách và phát triển kinh tế.

Căn cứ vào nhu cầu thực tế và điều kiện mở ngành, Trường Đại học Cần Thơ xin phép Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét được đào tạo thạc sĩ ngành Chính sách Công.

PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

Hiện tại ĐHCT là một trường đa ngành đa lĩnh vực, là cơ sở đào tạo bậc đại học và sau đại học trọng điểm của nhà nước ở ĐBSCL. Đồng thời, Trường là trung tâm giáo dục, văn hóa và khoa học kỹ thuật của vùng. Với 1.855 cán bộ, trong đó có 1.093 cán bộ là giảng viên, ĐHCT đang đào tạo 98 chương trình bậc đại học (trong đó có 2 chương trình đào tạo tiên tiến, 3 chương trình đào tạo chất lượng cao), 45 chương trình cao học (trong đó 1 ngành liên kết với nước ngoài, 3 ngành đào tạo bằng tiếng Anh) và 16 chương trình nghiên cứu sinh.

Đối với đào tạo sau đại học, Trường ĐHCT được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao quyền tự chủ trong việc đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ. Hàng năm Trường tiếp nhận khoảng 1.000 học viên sau đại học. Kể từ năm 1993 Trường bắt đầu được phép tuyển sinh bậc cao học và đến nay Trường đang đào tạo 45 chương trình cao học. Đối với đào tạo tiến sĩ, Trường đã được phép tuyển sinh kể từ năm 1982 với hai chuyên ngành Trồng trọt và Vi sinh vật (Quyết định số 1207/QĐ-QLKH ngày 15/11/1982, theo danh mục mới là Vi sinh vật học). Đến 2003, một số chuyên ngành khác cũng được phép tuyển sinh như Bệnh cây và Bảo vệ Thực vật (Quyết định số 536/QĐ-BGD&ĐT-SĐH ngày 31/01/2002, theo danh mục mới là Bảo vệ Thực vật), Chăn nuôi Động vật Nông nghiệp (Quyết định số 517/QĐ-BGD&ĐT-SĐH ngày 31/01/2002, theo danh mục mới là Chăn nuôi Động vật), Nông hóa (Quyết định số 1207/QĐ-QLKH ngày 15/11/1982, theo danh mục mới là Đất và Dinh dưỡng Cây trồng). Hiện tại Trường đã hình thành được 16 chương trình đào tạo tiến sĩ. Trường có Trung tâm học liệu với hệ thống sách tư liệu phong phú và hệ thống học liệu mở liên kết với nhiều nguồn tư liệu trong và ngoài nước; hệ thống phòng học đạt chuẩn với trang thiết bị hiện đại và đầy đủ, đáp ứng nhu cầu phục vụ giảng dạy.

Hiện tại Trường đang tiếp tục đầu tư phát triển thêm các chương trình nghiên cứu sinh (NCS) mới và đã tham gia đề án 911 do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì để đào tạo 20.000 giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2010-2020. Ngoài tuyển sinh đào tạo sau đại học trong nước, ĐHCT còn được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ tuyển sinh đào tạo sau đại học ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước. Năm 2011, Trường đã thành lập Khoa Sau Đại học (Quyết định số 1753/QĐ-ĐHCT ngày 01/08/2011) để chuyên trách về mảng đào tạo này.

Bảng 1: Số lượng sinh viên chính quy, học viên Trường Đại học Cần Thơ năm 2018

TT	Đơn vị đào tạo	Đại học	Cao học	NCS	Tổng
1.	Khoa Công nghệ	5.564	264	0	5.828
2.	Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông	2.886	142	0	3.035
3.	Khoa Khoa học Chính trị	704	0	0	704
4.	Khoa Khoa học Tự nhiên	1.084	256	0	1.340
5.	Khoa Khoa học xã hội và nhân văn	1.415	47	0	1.462
6.	Khoa Kinh tế	5.225	614	89	5.928
7.	Khoa Luật	1.161	167	0	1.328
8.	Khoa Ngoại ngữ	1.369	168	0	1.537
9.	Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	1.827	130	39	1.996
10.	Khoa Nông nghiệp	4.291	308	105	4.704
11.	Khoa Phát triển nông thôn	2.502	0	0	2.502
12.	Khoa Sư phạm	1.370	123	0	1.493
13.	Khoa Thủy sản	1.528	111	37	1.676
14.	Viện Nghiên cứu phát triển ĐBSCL	246	106	18	372
15.	Viện Nghiên cứu phát triển công nghệ sinh học	837	79	51	967
16.	Bộ môn Giáo dục thể chất	159	0	0	159
		32.168	2.517	346	35.031

Nguồn: Số liệu thống kê ĐHCT đến 31.12.2018

2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Trường Đại học Cần Thơ nói chung và Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL nói riêng có đủ lực lượng giảng viên có trình độ cao đáp ứng chuyên ngành đăng ký đào tạo. Hiện tại, Viện có Bộ môn Kinh tế - Xã hội và Chính sách, chuyên trách về đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ liên quan đến kinh tế, quản trị xã hội và chính sách công. Viện có đội ngũ giảng viên cơ hữu gồm có 15 giảng viên hoặc giảng viên chính, trong đó có 10 tiến sĩ được đào tạo nước ngoài có chuyên ngành liên quan đến Chính sách Công. Trong chương trình đào tạo Chính sách Công, cán bộ nghiên cứu cơ hữu của Trường là 24 (trong đó có 11 giảng viên của Viện) cùng với 01 giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhiệm 100% khối lượng chương trình đào tạo. Đội ngũ giảng viên cơ hữu này có bằng tiến sĩ về ngành Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chính sách phát triển, Phát triển nông nghiệp và nông thôn, Kinh tế chính trị, Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên, Nông nghiệp, Xã hội học,... Bên cạnh đó, 07 giảng viên hoặc cán bộ khoa học cơ hữu của Viện đang là nghiên cứu sinh cũng tham gia giảng dạy (Mẫu 1, 2, 3, Phụ lục 3).

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Trang thiết bị phục vụ đào tạo của Trường Đại học Cần Thơ nói chung và của Viện nói riêng không ngừng nâng cấp và đáp ứng nhu cầu mở rộng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cụ thể, Trường có 208 giảng đường và phòng học, 34 phòng máy tính, diện tích thư viện hơn 12.000 m², 45 phòng thí nghiệm, 1.422 phòng ký túc xá, gần 4000 m² diện tích hội trường; nhà văn hóa; nhà thi đấu đa năng; sân vận động và sân thể dục thể thao. Trung tâm Học liệu hiện đại với 440 máy tính nối mạng Internet phục vụ tra cứu, trên 300.000 đầu sách, tạp chí và tư liệu nghe nhìn, phòng đọc hơn 900 chỗ ngồi.

Hiện tại, Viện NCPT ĐBSCL có 03 phòng học (tổng cộng 200 chỗ ngồi), 02 hội trường (khoảng 180 người), 01 phòng máy tính gồm 20 máy cá nhân có nối mạng. Hội trường và phòng học được trang bị máy tính có nối mạng, máy chiếu, màn chiếu, giá treo bích chương/bảng lật,... để phục vụ giảng dạy và học tập theo phương pháp tiên tiến. Viện có 01 phòng bảo tồn nguồn di truyền cây trồng và 01 thí nghiệm sinh-lý-hóa phục vụ phân tích các chỉ tiêu đất, nước và công nghệ hạt giống lúa. Viện 03 trại nghiên cứu về chọn tạo giống và kỹ thuật canh tác lúa, và các hệ thống nông nghiệp kết hợp ở các vùng sinh thái khác nhau ở ĐBSCL. Viện xây dựng mạng lưới nông dân hợp tác đào tạo, nghiên cứu và phát triển với hơn 350 tổ/nhóm ở 13 tỉnh/thành ĐBSCL; mạng lưới nông dân này có thể phục vụ thực hành cho các học phần cơ sở và chuyên ngành, tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp cho học viên. Nếu cần thiết, phòng học và phòng thí nghiệm của các Bộ môn/Khoa của Trường tham gia đào tạo chương trình cao học này cũng được sử dụng cho các học phần chuyên ngành. Trang thiết bị phục vụ đào tạo chương trình này được trình bày chi tiết ở (Mẫu 5, Phụ lục 3).

Trung tâm Học liệu của Trường được trang bị hơn 300.000 đầu sách trong đó có nhiều đầu sách quý hiếm và đặc biệt là hệ thống hơn 440 máy tính, phòng đọc tổng quát 500 chỗ và nhiều phòng trang bị riêng cho học viên sau đại học. Ngoài ra, Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL còn có thư viện chuyên ngành bao gồm phòng đọc và phòng nghiên cứu, phòng làm việc dành cho học viên sau đại học và sinh viên. Thư viện của Viện được trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet, thiết bị wifi, cùng nhiều sách chuyên khảo, báo và tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Cả Trung tâm Học liệu của Trường và Thư viện chuyên ngành của Viện được trang bị và nâng cấp cơ sở vật chất hàng năm, đồng thời các tài liệu dành cho học tập và nghiên cứu được cập nhật và bổ sung thường xuyên trong các lĩnh vực đào tạo. Các tài liệu tiêu biểu phục vụ cho chuyên ngành Phát triển Nông thôn, Hệ thống Nông nghiệp học ở các trình độ đại học và sau đại học được liệt kê ở Mẫu 6, Phụ lục 3.

4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của Trường Đại học Cần Thơ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL và cả nước. Trường đã đẩy mạnh hợp tác triển khai nghiên cứu khoa học với các Sở ban ngành và các huyện của các tỉnh thành vùng ĐBSCL. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học đã được tuyển chọn hoặc được chỉ định chủ trì đã triển khai góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương với sự tham gia của các đơn vị trong trường (Mẫu 7, Phụ lục 3).

Công tác xuất bản phẩm được nhà trường đặc biệt quan tâm và khuyến khích cán bộ và sinh viên trong và ngoài trường tham gia. Tạp chí đăng tải trực tuyến miễn phí toàn văn các bài báo được công bố trên website của Trường nhằm cung cấp kiến thức và thành tựu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng vào sản xuất, được bạn đọc đánh giá cao, lượt truy cập tăng nhanh. Tạp chí Khoa học Trường ĐHTT đã có bước phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng bài gửi đăng, được 12 Hội đồng chức danh Giáo sư Ngành/Liên ngành ghi nhận và cho điểm công trình từ 0.5 đến 1.0 điểm. Từ năm 2015, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp giấy phép sửa đổi bổ sung số 101/GP-BTTTT cho phép Tạp chí xuất bản 09 kỳ một năm, trong đó có 03 kỳ xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Anh.

Cán bộ cơ hữu hỗ trợ cho mở ngành Chính sách Công đã và đang thực hiện nhiều công trình nghiên cứu thuộc các dạng khác nhau (Cấp Nhà nước, Bộ, tỉnh, huyện, hợp tác nước ngoài hay các doanh nghiệp trong nước) và kết quả nghiên cứu đã được xuất bản đa dạng ở trong và ngoài nước (Mẫu 8, Phụ lục 3).

Kinh nghiệm thông qua việc tham gia các đề tài nghiên cứu và xuất bản các kết quả nghiên cứu sẽ đóng góp vào quá trình nghiên cứu của học viên. Định hướng nghiên cứu của HV CSC liên quan đến đánh giá chính sách trên các lĩnh vực, đánh giá tác động của chính sách và dự án đầu tư công, nghiên cứu cải cách hành chính và thể chế hỗ trợ cho quản lý kinh tế xã hội và môi trường, và nghiên cứu hoạch định chính sách các cấp (Mẫu 9, Phụ lục 3).

5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trường Đại học Cần Thơ rất chú trọng đẩy mạnh các chương trình hợp tác quốc tế nhằm phục vụ việc nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nâng cấp cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Uy tín của Trường ngày càng được khẳng định đối với bạn bè quốc tế.

Tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học

Trong thời gian từ năm 2010 đến nay các cán bộ của Viện đã thực hiện được khoảng 120 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (trung bình 15 đề tài/năm) được tài trợ từ nguồn kinh phí của Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, địa phương và quốc tế liên quan đến nhiều lĩnh vực. Sau khi các đề tài nghiên cứu khoa học hoàn thành, Viện NCPT ĐBSCL nói riêng và Trường Đại học Cần Thơ nói chung thường tổ chức các buổi hội thảo khoa học với thành phần bao gồm: các nhà khoa học, các sở ban ngành có liên quan, các cơ quan doanh nghiệp, các học viên sau đại học tham gia đóng góp và trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm. Bên cạnh đó, nhiều đề tài cấp tỉnh đã được thực hiện theo đơn đặt hàng của các sở ban ngành của các tỉnh trong khu vực ĐBSCL.

Trong quá trình thực hiện các đề tài nghiên cứu, Viện luôn chú trọng kết hợp với đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Lồng ghép các chương trình với đề tài tốt nghiệp của học viên, tạo điều kiện tốt cho học viên tham gia nghiên cứu, viết báo cáo và tham gia vào các hội thảo khoa học chuyên ngành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cũng như khả năng nghiên cứu độc lập cho học viên.

Ngoài các hội thảo tổ chức tại đơn vị, Viện còn cử nhiều cán bộ tham gia các hội thảo hội nghị khoa học trong và ngoài nước (mỗi năm có khoảng 20 lượt trong nước và 15 lượt ngoài nước). Trong hội nghị nghiên cứu khoa học đã có nhiều công trình được đánh giá cao và đã được đăng bài trên các tạp chí quốc tế, vùng và quốc gia.

Trong các hội thảo hội nghị khoa học đã tổ chức, không ít các đề tài hợp tác với các chương trình nước ngoài có sự tham gia của các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm, các giáo sư đầu ngành của các Viện, Trường trên thế giới. Một số chương trình hợp tác như: Chương trình Sáng kiến Hạ lưu Sông Mekong của Hoa Kỳ và một số chương trình hợp tác nghiên cứu với các tổ chức Phi chính phủ.

Đặc biệt trong những năm gần đây, số lượng hội thảo khoa học được tổ chức ở Trường hay phối hợp với các tỉnh ở ĐBSCL với nội dung thiết thực và hàm lượng khoa học ngày càng được nâng lên, tầm ảnh hưởng của các hoạt động hội thảo của Trường ngày càng được mở rộng và mang lại sự chú ý và đóng góp nhiều hơn của cộng đồng. Bảng 2 tổng hợp các hội thảo được tổ chức trong những năm gần đây.

Bảng 2: Các hội nghị hội thảo khoa học đã tổ chức

TT	Tên hội nghị, hội thảo	Số lượng đại biểu/ đại biểu nước ngoài	Số lượng báo cáo	Địa điểm và thời gian tổ chức
1	Giải pháp cân bằng cung cầu thị trường, phát triển bền vững các chuỗi ngành hàng chủ lực vùng ĐBSCL: Xây dựng và triển khai mô hình liên kết sản xuất chuỗi giá trị ngành hàng lúa gạo	52/1	4	Viện NCPT ĐBSCL – Đại học Cần Thơ 19/03/2019
2	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0 cho chuyển dịch nông nghiệp và nông thôn ĐBSCL	85/0	8	Đại học Cần Thơ, 11/01/2019

TT	Tên hội nghị, hội thảo	Số lượng đại biểu/ đại biểu nước ngoài	Số lượng báo cáo	Địa điểm và thời gian tổ chức
3	Liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Đồng Tháp Mười đến 2020 và tầm nhìn đến 2030	150/3	24	Đồng Tháp, Long An và Tiền Giang, 2017&2018
4	Phát triển Kinh tế và Kinh doanh ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa (KKT)		16	Đại học Cần Thơ, 21/12/2018
5	Đánh giá kết quả một năm thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển Bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu	70/0	6	Đại học cần Thơ, 14/12/2018
6	Thành tựu Công nghệ sinh học vùng ĐBSCL (Viện CNSH)			27/10/2018. Đại học Cần Thơ
7	Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa sông nước ĐBSCL trong quá trình hội nhập và phát triển	121/1	32	Đại học Cần Thơ, 28/11/2018
8	Đổi mới chính sách công và quản trị tài nguyên cho phát triển sinh kế vùng lũ ĐBSCL (hợp tác với Trường Quản lý Nhà nước Kennedy, Đại học Havard và đại học Fulbright Việt Nam)	42/0	5	Tỉnh Đồng Tháp. 21/12/2017
9	Nghiên cứu khoa học về Môi trường, Tài nguyên Thiên nhiên và Biến đổi khí hậu	120/0	18	Đại học Cần Thơ, 24/11/2017
10	Sử dụng đất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Tây Nguyên và Tây Nam Bộ (ĐHCT)			10/11/2017, Đại học Cần Thơ
11	Nông nghiệp và phát triển nông thôn thời hội nhập	100/0	10	Đại học Cần Thơ, 30/12/2016
12	Phát triển bền vững ĐBSCL	112/0	14	TP. Cần Thơ, 19/11/2016
13	Nguồn nhân lực cho phát triển ĐBSCL	86/8	12	Đại học Cần Thơ, 11/2015
14	Phát triển kinh tế và giảm nghèo vùng ĐBSCL	110/2		Đại học Cần Thơ, 8-9/12/2015
15	Phát triển kinh tế xã hội khu vực ĐBSCL	107/0	14	Đại học Cần Thơ, 5/12/2014
16	Các giải pháp về chính sách ưu tiên về nước sạch do ảnh hưởng của thạch tín ở ĐBSCL	40/2	5	Đại học cần Thơ, 4/9/2014
17	Sự tham gia chuỗi giá trị và cơ hội nâng cao thu nhập của hộ nghèo ĐBSCL	50/0	5	Đại học Cần Thơ 27/6/2014
18	Mạng lưới phát triển đập thủy điện ở các nước sông Mekong	40/0	5	Đại học Cần Thơ 26/5/2014

TT	Tên hội nghị, hội thảo	Số lượng đại biểu/ đại biểu nước ngoài	Số lượng báo cáo	Địa điểm và thời gian tổ chức
18	Mạng lưới phát triển đập thủy điện ở các nước sông Mekong	40/0	5	Đại học Cần Thơ 26/5/2014
19	Giải pháp cho nông hộ giảm nghèo bền vững cho nông hộ khu vực ĐBSCL	40/0	5	Đại học Cần Thơ, 27/12/2013
20	An ninh nước và lương thực cho Việt Nam (phối hợp với UNDP và Viện Nước Thụy Điển)	36/10	8	Đại học Cần Thơ, 04-05/12/2013
21	Giải pháp khai thác tiềm năng kinh tế xã hội của các tỉnh ĐBSCL theo hướng liên kết vùng	117/2	40	Đại học Cần Thơ 29/11/2013
22	Chính sách ưu tiên cho BDKH và các vấn đề về môi trường ở ĐBSCL, Việt Nam	30/0	8	Đại học Cần Thơ, 29/9/2013
23	Nối kết thị trường nông – thủy sản theo hướng sạch hơn	125/0	5	Đại học Cần Thơ, 30/8/2013
24	Chuyên dịch nông nghiệp ở khu vực Đông Á (phối hợp FAO và Ngân hàng Thế giới)	123/42	12	Thành phố Cần Thơ, 10-14/6/2013
25	Phát triển kinh tế xã hội và chiến lược quản trị doanh nghiệp ĐBSCL	200/0	27	Đại học Cần Thơ 29/12/2012
26	Thực trạng phát triển kinh tế xã hội và chiến lược quản trị của doanh nghiệp ở ĐBSCL thời hậu khủng hoảng kinh tế	60/0	4	Đại học Cần Thơ 11/2012
27	Tối ưu sử dụng đất nông nghiệp thích nghi với biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở ĐBSCL (phối hợp CSIRO – Úc)	46/4	5	Đại học Cần Thơ, 25/6/2012
28	Phát triển tài nguyên nước nông nghiệp ở ĐBSCL – triển khai giải pháp chính sách ở cấp công đồng (phối hợp với Bộ Nông nghiệp – Phát triển Nông thôn và Ngân hàng Thế giới)	71/3	4	Đại học Cần Thơ, 26/4/2012
29	Phân tích chuỗi giá trị và nghèo	60/0	4	Đại học Cần Thơ 15/3/2012
30	Phát triển nông thôn với biến đổi khí hậu (phối hợp với Viện Tài nguyên Thế giới)	38/6	6	Đại học Cần Thơ 14-15/12/2010
31	Food Security and Rice Value Chain Research Consortium: Taking Stock of Work in Progress (phối hợp với Ngân hàng Thế giới)	44/5	14	Đại học Cần Thơ, 10/2010

6. Kiểm định chất lượng

Do ngành Chính sách công không có mã ngành cấp IV trình độ đại học, Trường chọn ngành Kinh tế nông nghiệp (đại học) là ngành đúng vì đại đa số chính sách công cho khu vực tập trung chủ yếu vào quản lý, kinh tế liên quan nông nghiệp. Ngành Kinh tế nông nghiệp đã đạt kiểm định ngoài (AUN) năm 2013.

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo

1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo: CHÍNH SÁCH CÔNG

Mã số: 8340402

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Cần Thơ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1.2. Những căn cứ xây dựng chương trình

Đề án mở ngành thạc sĩ Chính sách Công được lập dựa trên các cơ sở sau:

Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 17/02/2005 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có nội dung “Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ thành trường đại học trọng điểm quốc gia theo hướng phát triển đa ngành”;

Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 về quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam ban hành Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, qui định chuẩn đầu ra đối với từng bậc trình độ, trong đó có qui định về trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 4/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Căn cứ trên số lượng sinh viên đã tốt nghiệp các ngành gần, ngành khác bậc đại học được đào tạo tại Trường Đại học Cần Thơ, cũng như các cơ sở đào tạo khác trong vùng và Việt Nam;

Căn cứ nguồn nhân lực và cơ sở vật chất đã được trang bị tại Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long và các đơn vị khác của Trường Đại học Cần Thơ đủ để đáp ứng nhu cầu giảng dạy và hỗ trợ cho học viên tích lũy kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp;

Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ cao của vùng DBSCL trong lĩnh vực Chính sách công để phục vụ cho lập kế hoạch, qui hoạch chiến lược phát kinh tế xã hội các cấp, lập kế hoạch và qui hoạch phát triển ngành, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế là rất cần thiết. Đồng thời, việc mở ngành thạc sĩ ngành Chính sách Công là nhiệm vụ cơ bản của Trường Đại học Cần Thơ trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp nối cho các thế hệ sinh viên đã qua đào tạo đại học tại Trường, cũng như các thế hệ sinh viên của các trường đại học khác có chuyên ngành phù hợp, ngành gần, kể cả ngành khác.

Chương trình đào tạo thạc sĩ Chính sách Công đã được nhiều trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước xây dựng và triển khai. Tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng giúp chọn lọc cấu trúc học phần phù hợp với bối cảnh chính sách của Việt Nam và xu hướng phát triển của thế giới. Chương trình này tham khảo công cụ phân tích CSC từ CTĐT thạc sĩ CSC của Trường Đại học Fulbright Việt Nam; các công cụ phân tích định chế và tổ chức của Trường Đại học Việt - Nhật. Bên cạnh đó, các chính sách về biến đổi khí hậu và phát triển nông thôn, các yếu tố tác động mạnh đến phát triển kinh tế xã hội DBSCL, cũng được cân nhắc đưa vào CTĐT này. Các CTĐT thạc sĩ CSC trong và ngoài nước đã tham khảo được liệt kê sau đây:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Chính sách Công, Trường Đại học Fulbright Việt Nam tại địa chỉ website <http://www.fetp.edu.vn/vn/dao-cao/thac-si-chinh-sach-cong/> [chuong-trinh-mpp/](http://www.fetp.edu.vn/vn/dao-cao/thac-si-chinh-sach-cong/chuong-trinh-mpp/). Chương trình Chính sách Công Fulbright Việt Nam được xây dựng dựa trên chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Chính sách Công của Trường Havard Kenedy, Hoa Kỳ.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Chính sách Công, Trường Đại học Việt Nhật (Vietnam Japan University) tại địa chỉ website <http://vju.vnu.edu.vn/vn/menu/academics/public-policy>.

Ngoài ra, nhằm mục đích tăng cường nắm bắt nhu cầu thực tế và tính cần thiết cho việc mở ngành, đề án đã tiến hành khảo sát bằng bảng câu hỏi cấu trúc được thiết kế chặt chẽ (có tham khảo ý kiến chuyên gia Trung tâm Quản lý Chất lượng của Trường Đại học Cần Thơ) cho 30 đối tượng thuộc các ngành nghề, lĩnh vực, và vị trí khác nhau. Giới thiệu mục tiêu rõ ràng và tham khảo ý kiến để xây dựng chương trình đào tạo cho đối tượng điều tra là mục đích hướng đến của cuộc khảo sát và kết quả trả lời của các đáp viên rất khả quan và tích cực đối với triển vọng phát triển của ngành.

1.3. Tóm tắt chương trình đào tạo

1.3.1. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Chính sách Công (CSC) theo định hướng nghiên cứu, đào tạo được học viên có trình độ cao về hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách nhằm đề xuất cải thiện hiệu quả chính sách công ở các cấp; có khả năng nghiên cứu khoa học về CSC, đồng thời có thể học nâng cao trình độ đến bậc tiến sĩ trong lĩnh vực này. Chương trình này đào tạo các học viên có thể đảm nhận vị trí lãnh đạo, quản lý và chuyên viên thực thi và đánh giá chính sách ở các cấp độ trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

b. Mục tiêu cụ thể

Chương trình thực hiện các mục tiêu cụ thể sau đây:

a) Trang bị cho học viên có tư tưởng chính trị vững vàng, toàn tâm, toàn ý phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam nói chung và đồng bằng sông Cửu Long nói riêng;

b) Trang bị lý thuyết cơ bản liên quan đến các trụ cột của CSC, bao gồm kinh tế, xã hội, thể chế, quản trị và hành chính;

c) Cung cấp cơ sở lý thuyết về phát triển bền vững, gắn với cảnh biến đổi khí hậu (BDKH) và kinh tế hội nhập ở ĐBSCL, làm nền tảng trong hoạch định, thực thi và đánh giá CSC;

d) Thảo luận về hệ thống chính sách tổng hợp và đơn ngành liên quan đến kinh tế, xã hội, tài nguyên môi trường và ứng phó BDKH;

d) Cung cấp phương pháp tiếp cận và công cụ hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách và quản lý dự án công;

e) Hướng dẫn học viên ứng dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học và công cụ phân tích CSC, hướng đến tính đa dạng và chất lượng dịch vụ công và tham gia giảng dạy và tư vấn chuyên ngành Chính sách và Kinh tế công;

g) Tạo tính tự chủ, trách nhiệm, tư duy phản biện để đánh giá tính hai mặt của vấn đề nói chung và can thiệp chính sách nói riêng;

h) Tạo cho học viên có thói quen không ngừng tự học nâng cao trình độ để thích ứng với bối cảnh thay đổi;

i) Rèn luyện tác phong công nghiệp, thái độ hợp tác đa ngành và các bên liên quan để giải quyết các vấn đề chung và tổng hợp;

k) Hướng dẫn học viên sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, thảo luận, viết báo cáo, và phản biện các vấn đề có liên quan đến chuyên môn được đào tạo.

1.3.2. Chuẩn đầu ra

1.3.2.1. Kiến thức

Phần kiến thức chung

(a) Nắm vững các nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin;

(b) Nắm vững kiến thức cơ bản về tiếng Anh (tự học đạt chứng nhận B1 bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc).

Phần kiến thức cơ sở

a) Nhận biết nguyên lý cơ bản và vai trò của CSC trong phát triển bền vững;

b) Nắm được lý thuyết cơ bản về các trụ cột của CSC (kinh tế - xã hội, luật, quản trị, hành chính);

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học.

Phần kiến thức chuyên ngành

a) Nắm được hệ thống chính sách tổng hợp và đơn ngành liên quan kinh tế, xã hội, tài nguyên môi trường và ứng phó BĐKH;

b) Có kiến thức về lý thuyết và phương pháp tiếp cận hoạch định, thực hiện và đánh giá CSC và quản lý dự án công;

c) Nắm vững các công cụ phân tích chính sách, kinh tế, xã hội, tài nguyên và môi trường và định chế.

1.3.2.2. Kỹ năng: Sau khi hoàn thành chương trình, học viên có các khả năng như sau:

Kỹ năng cứng

a) Phân tích và đánh giá được tác động của chính sách, luật pháp tầm vĩ mô trong phát triển kinh tế xã hội;

b) Hoạch định, thực thi và đánh giá được chính sách ở cấp độ địa phương, vùng; xây dựng, thẩm định và đánh giá được các dự án đầu tư công theo chuyên ngành hay các cấp độ quản lý hành chính;

c) Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học và công cụ phân tích vào thực tiễn CSC nhằm đa dạng, nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ công.

Kỹ năng mềm

- a) Kỹ năng làm việc nhóm, tham gia và điều phối hoạt động đa ngành, nhiều bên liên quan, phương pháp làm việc khoa học;
- b) Sử dụng được ngoại ngữ để diễn đạt, thảo luận, viết báo cáo, và phản biện các vấn đề có liên quan đến chuyên ngành CSC.

1.3.2.3. Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

Sau khi hoàn thành chương trình, học viên có các kỹ năng mềm như sau:

- a) Tư duy tự chủ khoa học; tự lập kế hoạch, quản lý thời gian tương xứng với vị trí công việc; tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp trong thời đại Công nghiệp 4.0;
- b) Tôn trọng sự thật khách quan; nhận thức tác động hai chiều của can thiệp chính sách; thái độ lắng nghe ý kiến đa chiều, chấp nhận tinh thần phản biện;
- c) Tinh thần học tập suốt đời; thích ứng với bối cảnh hội nhập và thay đổi hệ thống sinh thái xã hội.

1.3.3. Lượng kiến thức toàn khóa và các phần kiến thức

Chương trình đào tạo Chính sách Công được cấu trúc theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 về quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo; và Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/6/2015.

Chương trình gồm 60 tín chỉ, được cấu trúc thành 3 phần:

- Phần 1: Kiến thức chung bao gồm 4 tín chỉ bắt buộc
- Phần 2: Kiến thức cơ sở ngành bao gồm 11 tín chỉ (7 bắt buộc, 4 tự chọn)
- Phần 3: Kiến thức chuyên ngành bao gồm 30 tín chỉ, trong đó (15 bắt buộc, 15 tự chọn)
- Phần 4: Luận văn tốt nghiệp 15 tín chỉ bắt buộc và phù hợp với chuyên ngành Chính sách Công

Bảng 3: Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML606	Triết học	4	X		60			I
2		Ngoại ngữ: Học viên có thể chọn 1 trong 3 cách sau: - Nộp chứng chỉ B1 do các cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép; - Nộp văn bằng ngoại ngữ được quy định trong Quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ GD&ĐT; - Tham gia học phần ngoại ngữ do Trường tổ chức riêng cho học viên cao học theo quy định.							
Cộng: 4 TC (Bắt buộc 4 TC; Tự chọn: 0 TC)									
Phần kiến thức cơ sở									
3	PDC601	Dạy cương chính sách công	2	X		20	20		I
4	PDC602	Phân tích kinh tế trong chính sách công	3	X		35	20		I
5	PDP624	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	X		20	20		I
6	PDC603	Hành chính và quản trị công	2		X	20	20		I
7	PDC604	Luật và chính sách công	2		X	30			I
8	PDC605	Kinh tế chính trị học quốc tế	2		X	25	10		I
Cộng: 11 TC (Bắt buộc 7 TC; Tự chọn: 4 TC)									
Phần kiến thức chuyên ngành									
9	PDC606	Khung phân tích chính sách công	3	X		30	30		II
10	PDC607	Kinh tế lượng trong chính sách công	3	X		35	20		II
11	PDP627	Quản lý dự án	3	X		30	30		III
12	PDC608	Quản trị và phát triển bền vững	3	X		30	30		II
13	PDC609	Thực hành	3	X		10	70		III
14	PDC610	Chính sách tài nguyên và môi trường ứng phó BĐKH	3		X	30	30		II
15	PDC611	Chính sách thương mại và kiểm soát chất lượng	3		X	30	30		II
16	PDC612	Thương mại quốc tế	3		X	40	10		II
17	KT615	Tài chính phát triển	3		X	30	30		II
18	PDC613	Lượng giá tài nguyên môi trường	3		X	30	30		II
19	PDC614	Chính sách phát triển	3		X	40	10		II
20	PDC615	Chính sách phát triển vùng và địa phương	3		X	30	30		II
21	PDP621	Chính sách nông nghiệp và nông thôn	3		X	30	30		II
22	PDP631	Phân tích định chế và tổ chức	3		X	30	30		II
23	PDP626	Quản lý nguồn nhân lực	3		X	30	30		III

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
24	PDC616	Phát triển cộng đồng và phúc lợi xã hội	3		X	30	30		III
25	PDP605	Đánh giá tổn thương và nâng cao sinh kế	3		X	30	30		III
26	PDP629	Dân số, giới và công bằng xã hội	3		X	30	30		III
<i>Cộng: 30 TC (Bắt buộc 15 TC; Tự chọn: 15 TC)</i>									
Phản luận văn tốt nghiệp									
27	PDC000	Luận văn tốt nghiệp	15	X					IV
		Tổng cộng	60	41	19				

2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

2.1. Kế hoạch tuyển sinh

a. Phương án tuyển sinh

Trường dự kiến sẽ tuyển sinh thạc sĩ Chính sách Công bắt đầu từ năm 2020. Kế hoạch tuyển sinh từ năm 2020 đến năm 2024 được đề xuất ở Bảng sau:

Bảng 4: Dự kiến qui mô tuyển sinh thạc sĩ ngành Chính sách Công

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Số lượng tuyển	30	30	30	30	30

b. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05 2014 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo, đối tượng tuyển sinh là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có đủ điều kiện sau:

a) Điều kiện dự thi:

- Đã tốt nghiệp đại học phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ (Kinh tế Nông nghiệp (mã ngành: 7620115)) hoặc các chuyên ngành gần (Bảng 5)

Bảng 5: Các ngành gần của người dự tuyển thạc sĩ Chính sách Công

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Quản lý công	7340403
2	Quản lý nhà nước	7310205
3	Xã hội học	7310301
4	Kinh tế	7310101
5	Kinh tế phát triển	7410105
6	Quản trị kinh doanh	7340101
7	Kinh doanh nông nghiệp	7620114

8	Phát triển nông thôn	7620116
9	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101
10	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102

Người có bằng tốt nghiệp đại học của tất cả các ngành khác và chuyên ngành khác được đăng ký dự thi nhưng phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn quy định của cơ sở đào tạo.

b) Đối tượng và chính sách ưu tiên:

Đối tượng ưu tiên:

- Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo;

- Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;

- Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Con nạn nhân chất độc màu da cam;

- Các đối tượng được ưu tiên trên phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền.

Chính sách ưu tiên:

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm vào kết quả thi (thang điểm 10) cho môn cơ bản;

- Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

- Thời điểm tổ chức thi tuyển: Thi tuyển được tổ chức 2 lần/ năm, vào tháng 2 và tháng 8 hàng năm. Đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 8 hàng năm về số lần tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của năm kế tiếp.

Các môn thi tuyển gồm: Môn cơ bản, môn cơ sở và Ngoại ngữ.

- Môn cơ bản: Quản lý công

- Môn cơ sở: Kinh tế học

- Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

Điều kiện trúng tuyển:

- Thí sinh phải đạt điểm 5 trở lên (theo thang điểm 10) ở các môn thi cơ bản, cơ sở.

- Môn Ngoại ngữ thi đầu vào phải đạt yêu cầu theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ.

- Điểm trúng tuyển được xác định căn cứ theo chỉ tiêu đào tạo và tổng điểm thi hai môn cơ bản và cơ sở (không kể môn ngoại ngữ) của từng thí sinh từ cao trở xuống.

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm các môn thi thì ưu tiên xét tiếp bằng mức điểm cao hơn của môn cơ sở sau đó đến môn cơ bản và cuối cùng là môn Ngoại ngữ để xác định người trúng tuyển.

c. Các ngành đúng, ngành gần với chương trình đào tạo

Hiện tại ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ vẫn chưa có, vì vậy thí sinh đăng ký dự thi đầu vào sẽ được xét tuyển từ các ngành, chuyên ngành phù hợp: Kinh tế Nông nghiệp (mã ngành: 7620115).

Danh mục các ngành gần với chương trình đào tạo

Các ngành gần bao gồm: Quản lý công (7340403), Quản lý nhà nước (7310205), Xã hội học (7310301), Kinh tế (7310101), Kinh tế phát triển (7410105), Quản trị kinh doanh (7340101), Kinh doanh nông nghiệp (7620114), Phát triển nông thôn (7620116), Quản lý tài nguyên và môi trường (7850101), Kinh tế tài nguyên thiên nhiên (7850102).

Danh mục các học phần học bổ sung kiến thức

Ngành gần: 08 tín chỉ

- Số học phần: 03; tổng tín chỉ: 08

- Tên các học phần (tên, mã số HP, số tín chỉ)

- Quản lý hành chính nhà nước (PD308) (2 TC)
- Kinh tế Vi mô 1 (3 TC)
- Kinh tế Vi mô 1 (3 TC)

d. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được công nhận tốt nghiệp khi:

- Đã học xong và đạt yêu cầu các môn học trong chương trình đào tạo;
- Bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu;
- Thời gian học 2 năm (thời hạn tối đa là 4 năm)
- Đã đóng học phí đầy đủ;
- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn;
- Trình độ ngoại ngữ: đạt được mức tương đương bậc 3/6 (B1) của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2.2. Kế hoạch đào tạo

Hình thức đào tạo chính quy tập trung; thời gian đào tạo toàn khóa 2 năm (thời hạn tối đa là 4 năm). Thông tin về tên các học phần, lượng tín chỉ, học kỳ thực hiện, tên/chuyên ngành và học vị của giảng viên được trình bày chi tiết trong Bảng 6.

Bảng 6: Kế hoạch đào tạo của Chương trình đào tạo Chính sách Công

TT	Học phần	Số TC	HK thực hiện	Tên giảng viên	Chuyên ngành	Học vị Học hàm	Ghi chú
1	Triết học	4	I	Lê Ngọc Triết	Triết học	TS.	
2	Ngoại ngữ (English)						
3	Đại cương CSC	2	I	Nguyễn Văn Sánh	Chính sách công/Nông nghiệp-nông thôn	PGS.TS.	
4	Phân tích kinh tế trong chính sách công	3	I	Võ Thành Danh	Kinh tế nông nghiệp	PGS.TS.	
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	I	Lê Cảnh Dũng	Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	PGS.TS.	
6	Hành chính và quản trị công	2	I	Phan Huy Hùng	Quản lý hành chính công	TS.	
7	Luật và chính sách công	2	I	Cao Nhất Linh	Luật tư	TS.	
8	Kinh tế chính trị học quốc tế	2	I	Phan Văn Phúc	Kinh tế	TS.	
9	Khung phân tích CSC	3	II	Nguyễn Văn Sánh	Chính sách công/Nông nghiệp-nông thôn	PGS.TS.	
10	Kinh tế lượng trong CSC	3	II	Dương Ngọc Thành	Phát triển nông thôn	PGS.TS.	

TT	Học phần	Số TC	HK thực hiện	Tên giảng viên	Chuyên ngành	Học vị Học hàm	Ghi chú
11	Quản lý dự án	3	III	Lê Cảnh Dũng	Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	PGS.TS.	
12	Quản trị và phát triển bền vững	3	II	Đặng Kiều Nhân	Hệ thống nông nghiệp	TS.	
13	Thực hành	3	III	Lê Cảnh Dũng	Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	PGS.TS.	
14	Chính sách tài nguyên và môi trường ứng phó BĐKH	3	II	Lê Anh Tuấn	Thủy học môi trường	PGS.TS.	
15	Chính sách thương mại và kiểm soát chất lượng	3	II	Lưu Tiến Thuận	Tài chính	TS.	
16	Thương mại quốc tế	3	II	Phan Anh Tú	Thương mại quốc tế	TS.	
17	Tài chính phát triển	3	II	Lê Khương Ninh	Kinh tế tài chính	PGS.TS.	
18	Lượng giá tài nguyên môi trường	3	II	Lê Cảnh Dũng	Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	PGS.TS.	
19	Chính sách phát triển	3	II	Mai Văn Nam	Chính sách và phát triển kinh tế	PGS.TS.	
20	Chính sách phát triển vùng và địa phương	3	II	Nguyễn Văn Sánh	Chính sách công/Nông nghiệp-nông thôn	PGS.TS.	
21	Chính sách NN&PTNT	3	II	Trần Tiến Khai	Chính sách nông nghiệp và PTNT	PGS.TS.	Đại học Kinh tế TP. HCM
22	Phân tích định chế và tổ chức	3	II	Võ Văn Tuấn	Địa lý Kinh tế - Xã hội	TS.	
23	Quản lý nguồn nhân lực	3	III	Nguyễn Hồng Tín	Quản lý tài nguyên đất	TS.	
24	Phát triển cộng đồng và Phúc lợi xã hội	3	III	Huỳnh Quang Tín	Sinh thái sản xuất và bảo tồn tài nguyên	TS.	
25	Đánh giá tổn thương và nâng cao sinh kế	3	III	Võ Văn Tuấn	Địa lý kinh tế - Xã hội	TS.	

TT	Học phần	Số TC	HK thực hiện	Tên giảng viên	Chuyên ngành	Học vị Học hàm	Ghi chú
26	Dân số, giới và công bằng xã hội	3	III	Nguyễn Quang Tuyền	Khoa học xã hội	TS.	
27	Luận văn tốt nghiệp	15	IV				

2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng

Học viên cao học phải hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn (ngoại ngữ đạt được mức tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Khung trình độ quốc gia).

2.3.1 Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Hiện nay, Trường ĐHCT có 1.076 giảng viên, giảng viên có trình độ sau đại học chiếm tỉ lệ 97,21%, trình độ tiến sĩ chiếm 38,94%. Hiện đang cử đi học 40 tiến sĩ và 23 thạc sĩ.

Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL (NCPTĐBSCL), đơn vị phụ trách ngành chính sách công, ngoài giảng viên cơ hữu của Trường, Viện có 16 giảng viên (4 phó giáo sư, 6 tiến sĩ và 10 thạc sĩ) đủ giảng viên cơ hữu để giảng dạy chương trình thạc sĩ chính sách công (Phụ lục 8). Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đến 2022 tăng 2 giảng viên là 18 giảng viên (ưu tiên phát triển giảng viên cho ngành Chính sách công bậc sau đại học). Tuy số lượng tăng không lớn nhưng sẽ tăng chất lượng đội ngũ giảng viên 100% có trình độ tiến sĩ, trong đó có 55% có học hàm Phó GS trở lên, tất cả giảng viên đều có thể giảng dạy bậc thạc sĩ trở lên.

2.3.2 Kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng

Cơ sở vật chất của Trường ĐHCT đủ điều kiện phục vụ đào tạo (đã được kiểm định năm 2018). Kế hoạch đến năm 2022 sẽ phát triển Trường Đại học Cần Thơ ngang tầm với các trường đại học trong khu vực và thế giới với Dự án "Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ" bằng nguồn vốn vay ODA của chính phủ Nhật Bản với tổng vốn là 10.456 triệu Yên (2.250 tỉ đồng) triển khai thực hiện từ 2015 đến 2022.

2.3.3 Kế hoạch hợp tác quốc tế

Hiện nay, Viện đã tham gia chương trình IMRD-VLIR đào tạo thạc sĩ *Phát triển Nông thôn* quốc tế với mạng lưới 12 trường của 04 châu lục (Âu, Á, Phi và Mỹ) do Đại học Gent (Bỉ) điều phối. Bên cạnh đó, Viện đã và đang hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế (chính phủ và phi chính phủ) trong nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo

như ACIAR, SCISRO (Úc), DANIDA (Đan Mạch), EDF (Hoa Kỳ), JICA, JIRCAS, YANMAR (Nhật bản), OXFARM, SEARICE (Philippines),..

Phát huy thế mạnh này, Viện sẽ tiếp tục hợp tác để đẩy mạnh đào tạo và nghiên cứu khoa học theo các hướng sau:

- Quản lý đa dạng sinh thái nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và an ninh lương thực;
- Phát triển nông nghiệp đa chức năng vùng nghèo, nhạy cảm với thay đổi sinh thái và kinh tế - xã hội;
- Chuyển dịch nông nghiệp và nông thôn trong bối cảnh biến đổi khí hậu và công nghệ và thương mại hóa nông nghiệp;
- Quản trị tài nguyên nước và sinh thái nông nghiệp của tiểu vùng/vùng hoặc xuyên biên giới;
- Phân tích, đánh giá và đề xuất cải tiến chính sách thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp;
- Thay đổi môi trường, đô thị hóa, di dân và sinh kế;

2.3.4 Tổ chức hội nghị

Hàng năm, Trường và Viện đã tổ chức hàng chục Hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế và rất nhiều Hội thảo, hội nghị khoa học trong nước với đa dạng chủ đề, trong đó có lĩnh vực về chính sách. Tiếp tục phát huy thế mạnh này, các năm tới khi hoàn thành dự án nâng cấp Trường ĐHQG sẽ có nhiều cơ hội tổ chức nhiều Hội thảo, hội nghị chuyên về lĩnh vực chính sách hơn nữa.

2.3.5 Học phí

Mức học phí theo quy định hiện hành của Trường Đại học Cần Thơ (238/ĐHQG-TC ngày 13/2/2019 về Học phí áp dụng cho năm học 2019-2020). Theo đó, học phí trung bình hàng năm là 13.350.000 đồng, tương đương mỗi tín chỉ là 445.000 đồng. Dự kiến mỗi năm mức học phí sẽ thay đổi theo quy định chung của Bộ GD&ĐT (Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015, Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân).

QUYẾT NGHỊ

Về mở ngành và chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 675/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 03 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2017-2022;

Căn cứ kết quả phiên họp thứ hai của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2017-2022 ngày 19 tháng 05 năm 2018.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua tờ trình của Hiệu trưởng về việc mở các ngành/chuyên ngành đào tạo bậc thạc sĩ và tiến sĩ như sau:

1. Đồng ý mở mới 03 ngành, chuyên ngành đào tạo bậc thạc sĩ

- Ngành **Chính sách công** (Mã số: 8340402)
- Ngành **Kỹ thuật cơ khí** (Mã số: 8520103)
- Chuyên ngành **Đa dạng và bảo tồn nguồn lợi thủy sản**; chuyên ngành của ngành Quản lý thủy sản - Mã số (8620305).

2. Đồng ý mở mới 02 ngành đào tạo bậc tiến sĩ

- **Quản lý thủy sản** (Mã số: 9620305)
- **Toán giải tích** (Mã số: 9460102)

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các thành viên Hội đồng trường và các đơn vị có liên quan thuộc Trường Đại học Cần Thơ chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Lưu: VT, HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phương